

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST

Ngày 03-9-2019

Về việc “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Lực – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 07/2019/QĐ-TA ngày 12 tháng 8 năm 2019 và số 08/2019/QĐ-TA ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Thị L, sinh năm: 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 6/13 ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Minh K, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 2, Ô2, ấp T, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Tô Thị L trình bày:

Bà L và ông K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, được sự đồng ý của hai bên gia đình và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Long, thành phố Bà

Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 12/12/2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K không quan tâm đến gia đình, vợ chồng không còn tâm đầu ý hợp nên đã tự sống ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Trương Thị Quỳnh N, sinh ngày 20/02/2008 và cháu Trương Minh H, sinh ngày 24/4/2012. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung đến tuổi trưởng thành và yêu cầu ông K cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/cháu. Tại bản tự khai ngày 07/3/2019, bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu ông K cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc không thể sắp xếp được thời gian nên bà L có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án và giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Theo Biên bản lấy lời khai bị đơn ông Trương Minh K trình bày:

Ông K và bà Tô Thị L tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 171, quyền số 01/2006 ngày 12/12/2006. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không bên nào ép buộc bên nào, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán. Vợ chồng chung sống với nhau không có mâu thuẫn gì lớn nhưng giữa bà L và gia đình ông K không được hòa thuận, năm 2018 bà L đưa hai con về bên nhà cha mẹ vợ ở ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ở nên ông K cũng về Đ ở với vợ con, nhưng được một thời gian ngắn thì giữa ông K với gia đình bà L và bà L có những chuyện không vừa lòng nhau nên từ đầu năm 2019 ông K về xã H sinh sống cho đến nay. Thỉnh thoảng ông K có đến thăm vợ con và mong muốn được hàn gắn tình cảm, nhưng bà L không chấp nhận mà cố ý tránh mặt và nói vợ chồng nên giải quyết ly hôn. Ông K đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng có thời gian để hàn gắn tình cảm, trường hợp không hàn gắn được thì về con chung nếu các cháu có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi nếu các cháu có nguyện vọng ở với bà L thì ông K đồng ý giao hai con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng mà không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng sẽ lo cho con có cuộc sống đầy đủ.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân của bà L và ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với ông K. Giao cháu Trương Thị Quỳnh N và cháu Trương Minh H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Tô Thị L xác định yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Trương Minh K được xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình tố tụng, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa bà L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L về việc xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với ông K, thì thấy:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Ông K, bà L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 171, quyền số 01/2006 ngày 12/12/2006 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình tố tụng ông K và bà L thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 10/2018, bà L đưa con về bên nhà cha mẹ ruột ở và sống ly thân cho đến nay, ông K có thiện chí hàn gắn tình cảm nhưng không được bà L chấp nhận nên mỗi người sống một nơi. Trong quá tố tụng Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự giải quyết mâu thuẫn, nhưng ông K cố tình vắng mặt không tham dự cho thấy không mong muốn hòa giải mà bỏ mặc cho mâu thuẫn thêm trầm trọng. Qua xác minh tại địa phương thể hiện bà L đã đưa con về nhà cha mẹ ruột ở từ cuối năm 2018, đúng như lời trình bày của bà L. Xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[6] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Trương Thị Quỳnh N, sinh ngày 20/02/2008 và cháu Trương Minh H, sinh ngày 24/4/2012. Theo nguyện vọng của các cháu là được ở với mẹ, bà L cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và ông K cũng đồng ý nên giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc bà L không yêu cầu ông K cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị L về việc yêu cầu ông Trương Minh K cấp dưỡng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị L về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” đối với ông Trương Minh K.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị L được ly hôn với ông Trương Minh K.

- Về con chung: Giao cháu Trương Thị Như Q, sinh ngày 20/02/2008 và cháu Trương Minh H, sinh ngày 24/4/2012 cho bà Tô Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); ghi nhận sự tự nguyện của bà Tô Thị L về việc không yêu cầu ông Trương Minh K cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Bà Tô Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0009825 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND xã Hòa Long,
- Lưu hồ sơ vụ án;

Võ Hoàng Đức